TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 17 - 6 - 2026.
V/v tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Văn Minh;
2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1004/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1008/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Võ Thị Tịnh V, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Nơi ở hiện tại: thôn K, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: anh Dương Bá T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Võ Thị Tịnh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 23/12/2009. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên uống rượu về chửi mắng, xúc phạm vợ con, vợ chồng đã ly thân hơn

04 năm nay. Hiện nay, chị V không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 cháu tên là Dương Vũ Bá Anh K, sinh ngày 10/8/2010 và Dương Vũ Bá Anh K1, sinh ngày 04/6/2014. Chị V yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị V không yêu cầu giải quyết. Chị V không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh T cư trú tại thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng. Chị V yêu cầu ly hôn, nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Chị V xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 23/12/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị V trình bày là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm nay. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị V. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu

cầu ly hôn của chị V.

[2.2] Về con chung: chị V yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tại đơn xin xác nhận thu nhập của chị V cung cấp: chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH MTV V1, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng; chị vẫn đảm bảo thời gian và điều kiện nuôi 02 con vì hiện nay chị vẫn đưa đón con đi học. Kết quả xác minh tại địa phương: hiện nay hai cháu K và K1 sống chung với chị V tại nhà cha mẹ ruột của chị V thuộc thôn K, xã T, thành phố Đà Nẵng. Các cháu K và K1 đều có nguyện vọng ở với chị V.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu nuôi con của chị V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K và cháu K1, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu cháu K và K1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*.

Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn: chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Tịnh V về việc tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Võ Thị Tịnh V và anh Dương Bá T.

2. Về con chung: giao các cháu Dương Vũ Bá Anh K, sinh ngày 10/8/2010 và Dương Vũ Bá Anh K1, sinh ngày 04/6/2014 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị V phải chịu, được trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng mà chị V đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000960 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2026), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- UBND xã Thăng Điền, TP. Đà Nẵng (giấy CNKH số 105 ngày 23/12/2009 của UBND xã Bình An cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ